**NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN: TOÁN KHỐI 6
(Từ 27/4/2020 - 2/5/2020)**

**PHÉP CHIA PHÂN SỐ. LUYỆN TẬP**

1. **Số nghịch đảo**

**Định nghĩa**: Hai số gọi là nghịch đảo của nhau nếu tích của chúng bằng 1

VD: vì 

  vì 

1. **Phép chia phân số**

**Quy tắc:** Muốn chia một phân số hay một số nguyên cho một phân số, ta nhân số bị chia với số nghịch đảo của số chia.





1. **Luyện tập**

Tìm x, biết:

 

 

**Dặn dò**

- Xem lại lý thuyết và các bài toán đã được sửa.

- Làm các bài 84, 86, 89, 90 SGK/trang 42,43

**HỖN SỐ. SỐ THẬP PHÂN. PHẦN TRĂM**

1. **Hỗn số**

 Ta có: chia 17 cho 5 được 3 dư 2 nên có thể viết 

 



Ngược lại ta cũng có thể viết một hỗn số dưới dạng phân số. Chẳng hạn:



**Chú ý:** Khi viết một phân số âm dưới dạng hỗn số, ta chỉ cần viết số đối của nó dưới dạng hỗn số rồi đặt dấu “-“ trước kết quả nhận được.



1. **Số thập phân**

Phân số thập phân là phân số mà mẫu là lũy thừa của 10.



Số thập phân gồm 2 phần:

* Phần số nguyên viết bên trái dấu phẩy;
* Phần thập phân viết bên phải dấu phẩy.



Số chữ số ở phần thập phân đúng bằng số chữ số 0 ở mẫu của phân số thập phân.



1. **Phần trăm**

Những phân số có mẫu là 100 còn được viết dưới dạng phần trăm kí hiệu là %



1. **Luyện tập**

Bài 1: Tính giá trị các biểu thức sau







Bài 2: Tìm x, biết



 



**Dặn dò:**

- Xem lại lý thuyết và các bài tập đã được sửa

- Làm các bài tập sau:

Bài 1: Thực hiện phép tính

1. 
2. 
3. 
4. 
5. 
6. 

Bài 2: Tìm x, biết





c)







Bài 3: Tính nhanh

1. 



***(HD: Tìm thừa số chung giữa các số hạng ở tử và mẫu)***

**LUYỆN TẬP**

**HỖN SỐ. SỐ THẬP PHÂN. PHẦN TRĂM**

1. **Lí thuyết.**

 **\* Hỗn số:**

- Khái niệm: Hỗn số là số gồm phần nguyên kèm theo phân số (nhỏ hơn 1)

- Người ta có thể viết một phân số có giá trị tuyệt đối của tử số lớn hơn mẫu số thành một hỗn số:

Ví dụ: a)  ( chia 17 cho 5 được 3 dư 2)

 b)  ( chia -17 cho 5 được -3 dư -2)

**\* Số thập phân:**

 - Phân số thập phân là phân số mà mẫu là lũy thừa của 10.

 - Số chữ số thập phân đúng bằng số chữ số 0 ở mẫu của phân số thập phân.

 Ví dụ: 

\* **Phần trăm:** Những phân số có mẫu là 100 còn được viết dưới dạng phần trăm với kí hiệu %.

**2. Bài tập:**

**Bài tập 99 Sgk/47:** Khi cộng hai hỗn số  và  Bạn Cường làm như sau:



a) Bạn Cường đã cộng hai hỗn số như thế nào ?

b) Có cách nào tính nhanh hơn không ?

**Giải:**

a) Bạn Cường đã tiến hành đổi hỗn số ra phân số rồi áp dụng quy tắc cộng hai phân số không cùng mẫu rồi đổi phân số ra hỗn số.

b) Còn cách tính là cộng các phần nguyên và cộng các phân số với nhau.



**Bài tập 100 Sgk/47.** Tính giá trị của các biểu thức sau:

 ; 

**Giải:**







**Bài tập 101 Sgk/47.** Thực hiện phép tính nhân hoặc chia hai hỗn **số** bằng cách viết hỗn số dưới dạng phân số:

** **

**Giải:**



**Bài tập 104 Sgk/47.** Viết các phân số sau dưới dạng số thập phân và dung kí hiệu %.

 ;  ; 

**Giải:**

****

**Bài tập 105 Sgk/47.** Viết các phần trăm sau dưới dạng số thập phân:

7% ; 45% ; 216%

**Giải:**



**Dặn dò.**

Xem trước bài tìm giá trị phân số của một số cho trước

* Làm các bài tập: 106; 107; 108 Sgk/ 48.

…………………………………………………………………

**Bài . ĐƯỜNG TRÒN. TAM GIÁC**

1. **Đường tròn.**
2. **Đường tròn và hình tròn**

**a) Đường tròn.**

- Trên hình vẽ 43a ta có đường tròn tâm O bán kính OM = 1,7cm

**\* Định nghĩa: Sgk/ 89**



 a) b)

 Hình 43

**b) Hình tròn**.

- Trên hình 43b:

M là điểm nằm trên (thuộc) đường tròn.

N là điểm nằm bên trong đường tròn.

P là điểm nằm bên ngoài đường tròn.

 **\* Định nghĩa: Sgk/ 90**

1. **Cung và dây cung**

- Hai điểm A, B nằm trên đường tròn chia đường tròn thành hai phần, mỗi phần gọi là một cung tròn (gọi tắt là cung)

**** - Hai điểm A, B là hai mút của cung.

 Hình 44 Hình 45

 - Đoạn thẳng nối hai mút của cung là *dây cung* (gọi tắt là dây). Dây đi qua tâm là *đường kính*.

 - Trên hình 45: CD là dây, AB là đường kính.

 - *Đường kính dài gấp đôi bán kính.*

1. **Một công dụng khác của com pa**

**Ví dụ 1:** Sgk/90

 **Ví dụ 2: Sgk/91**

 **Bài tập 38Sgk/ 91.**

Trên ta có hai đường tròn (O; 2cm)

Và (A; 2cm) cắt nhau tại C và D. Điểm A

nằm trên đường tròn tâm O.

1. Vẽ đường tròn tâm C, bán kính 2cm.
2. Vì sao đường tròn (C; 2cm) đi qua O, A ?

**Giải:**

1. Vẽ đường tròn (C; 2cm)

 b) Vì C  (O; 2cm) => OC = 2 cm => O  (C; 2cm)

Vì C  (A; 2cm) => CA = 2 cm => A  (C; 2cm)

Vậy đường tròn (C; 2cm) đi qua O, A

1. **Tam giác.**
2. **Tam giác ABC là gì ?**

 \* **Định nghĩa Sgk/ 93**

 \* Kí hiệu tam giác ABC: 

 Hay 

 - Ba điểm A, B, C là ba đỉnh của tam giác

 - Ba đoạn thẳng AB, BC, CA là ba cạnh của tam giác.

 - Ba góc BAC, CBA, ACB là ba góc của tam giác

- Điểm M là điểm nằm trong tam giác

 - Điểm N là điểm nằm ngoài tam giác.

**2. Vẽ tam giác**

**Ví dụ:** Vẽ một tam giác ABC, biết cạnh BC = 4cm,

AB = 3cm, AC = 2cm.

**Cách vẽ: Sgk/ 94**

**Bài tập 43Sgk/ 94.** Điền vào chỗ trống trong phát biểu sau:

1. Hình tạo thành bởi....được gọi là tam giác MNP.
2. Tam giác TUV là hình....

**Giải:**

1. Hình tạo thành bởi *ba đoạn thẳng MN, NP, PM khi ba điểm M, N , P không thẳng hàng* được gọi là tam giác MNP
2. Tam giác TUV là hình *gồm ba đoạn thẳng TU, UV, VT khi ba điểm T, U, V không thẳng hàng*

 **Bài tập 44Sgk/ 95.** Xem hình 55 rồi điền vào bảng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên****tam giác** | **Tên****3 đỉnh** | **Tên****3 góc** | **Tên****3 cạnh** |
|  | A, B, I |  | AB, BI, IA |
|  | A, I, C |  | AI, IC, CA |
|  | A, B, C |  | AB, BC, CA |



**Dặn dò:**

**- Xem trước bài ôn tập phần hình học.**

**- Làm các bài tập 40; 45; 46 Sgk/ 92- 95.**

**...............................................................................................................**

**NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN: VẬT LÍ - KHỐI 6**

**(Từ 27/4/2020-2/5/2020)**

**CHỦ ĐỀ 23: SỰ BAY HƠI VÀ SỰ NGƯNG TỤ**

1. **LÝ THUYẾT**
2. **Thế nào là sự bay hơi?**

Sự chuyển từ thể lỏng sang thể hơi ở mặt thoáng của chất lỏng được gọi là sự bay hơi.

Ví dụ: Cốc nước để lâu ngày sẽ dần do hiện tượng bay hơi

1. **Tốc độ bay hơi phụ thuộc vào những yếu tố nào?**

Tốc độ bay hơi của một chất lỏng phụ thuộc vào nhiệt độ, gió và diện tích mặt thoáng của chất lỏng.

1. **Thế nào là sự ngưng tụ?**

Sự chuyển từ thể hơi sang thể lỏng của một chất được gọi là sự ngưng tụ.

-Ví dụ: Những giọt nước đọng trên lá cây vào ban đêm.

**II. BÀI TẬP**

**1. Sự bay hơi xảy ra ở nhiệt độ nào? Tại sao trong không khí luôn có hơi nước?**

=> Sự bay hơi xảy ra ở bất kì nhiệt độ nào. Vì hai phần ba bề mặt trái đất có nước bao phủ, với lượng nước này không ngưng bay hơi nên không khí luôn luôn có hơi nước.

**2. Tại sao khi hà hơi vào gương soi ta gương mờ đi?**

=> Khi hà hơi vào gương soi, phần hơi nước có trong hơi thở gặp lạnh, ngưng tụ trên gương, các hạt nuowscs nhỏ bám trên gương làm cho guong mờ.

3**. Giải thích sự tạo thành giọt nước đọng trên lá cây vào ban đêm?**

=> Ban đêm, nhiệt độ lá cây thấp hơn không khí. Hơi nước trong không khí gặp lạnh, ngưng tụ thành các giaotj nước đọng trên lá cây.

**NỘI DUNG GHI BÀI DẠY KHỐI 6 MÔN CÔNG NGHỆ**

TỪ NGÀY : 27/04/2020 -01/05/2020

**BÀI 18 - TIẾT 44: CÁC PHƯƠNG PHÁP CHẾ BIẾN THỰC PHẨM**

**I. Phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt :**

**1.Phương pháp làm chín thực phẩm trong nước:**

**a) Luộc :**

**\* Khái niệm :**

- Là làm chín thực phẩm trong môi trường nhiều nước với thời gian đủ để thực phẩm chín mềm.

**\* Quy trình thực hiện :**

- Làm sạch nguyên liệu, thực phẩm.

- Luộc chín thực phẩm.

- Trình bày.

**\* Yêu cầu kỹ thuật:**

- Nước luộc trong .

- Thực phẩm động vật: chín mềm, không dai, không nhừ .

- Thực phẩm thực vật: rau lá chín tới, có màu xanh; rau củ có bột chín bở hoặc chín dẻo.

**c) Kho :**

**\* Khái niệm :**

- Là làm chín mềm thực phẩm trong lượng nước vừa phải với vị mặn đậm đà.

**\* Quy trình thực hiện :**

- Làm sạch nguyên liệu thực phẩm, cắt thái phù hợp, tẩm ướp gia vị.

- Nấu thực phẩm với lượng nước ít, có vị đậm.

- Trình bày.

**\* Yêu cầu kỹ thuật:**

- Thực phẩm mềm, nhừ, không nát, ít nước, hơi sánh .

- Thơm ngon, vị mặn, màu vàng nâu .

- Màu sắc hấp dẫn .

**2. Phương pháp làm chín thực phẩm bằng hơi nước :**

**a) Hấp :**

 - Hấp ( chưng, đồ ) là làm chín thực phẩm bằng sức nóng của hơi nước.

**\* Quy trình thực hiện :**

 - Nguyên liệu làm sạch.

 - Sơ chế tùy theo yêu cầu từng món.

 - Hấp chín thực phẩm.

 - Trình bày đẹp.

**\* Yêu cầu kĩ thuật :**

 - Thực phẩm chín mềm, ráo nước.

 - Hương vị thơm ngon.

 - Màu sắc tùy theo món.

**3. Phương pháp làm chín bằng sức nóng trực tiếp của lửa:**

- Nướng là làm chín thực phẩm bằng sức nóng của lửa, thường dùng than củi.

\* Quy trình thực hiện:

- Làm sạch nguyên liệu

- Tẩm ướp gia vị

- Nướng vàng đều

- Trình bày

\* Yêu cầu kỹ thuật:

-Thực phẩm chín đều, không dai.

- Thơm ngon, đậm đà

- Màu vàng nâu.

Dặn dò:

-Học câu 5 đề cương.

-Xem trước tiết tiếp theo.

**NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN: ĐỊA LÍ KHỐI 6
(Từ 27/4/2020 - 29/4/2020)**

**Chủ đề: THỜI TIẾT VÀ KHÍ HẬU**

1. So sánh sự giống nhau và khác nhau giữa thời tiết và khí hậu

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Thời tiết | Khí hậu |
| Giống nhau | Đều là các hiện tượng khí tượng xảy ra ở một địa phương cụ thể |
| Thời gianPhạm viQuy luật | - Diễn ra trong thời gian ngắn.-Phạm vi nhỏ, - Thay đổi. | - Diễn ra trong thời gian dài.-Phạm vi rộng - Ổn định, lặp đi lặp lại |

2. Sự phân chia bề mặt Trái Đất ra các đới khí hậu theo vĩ độ:

a. Đới nóng (nhiệt đới)

- Giới hạn: Từ 230 27’B -> 23 0 27’N.

- Đặc điểm khí hậu:

+ Nhiệt độ: Nóng quanh năm.

+ Lượng mưa: từ 1000 mm đến 2000 mm.

+ Gió: Tín phong.

b. Hai đới ôn hòa (ôn đới)

- Giới hạn:

Từ 23027’B -> 66033’B; 230 27’N-> 66033’N.

* Đặc điểm khí hậu:

+ Nhiệt độ: Trung bình.

+ Lượng mưa: từ 500 mm đến 1000 mm.

+ Gió: Tây ôn đới.

c. Hai đới lạnh (hàn đới)

- Giới hạn:

 Từ 660 33’B -> 90 0B;

 Từ 660 33’N -> 90 0N

- Đặc điểm khí hậu:

＋Nhiệt độ: Lạnh quanh năm.

+ Lượng mưa: dưới 500 mm.

+ Gió: Đông cực.

Dặn dò: Học sinh chép lại và học câu 1 trong đề cương.

**Câu 1. Nhiệt độ không khí là gì? Các nhân tố ảnh hưởng đến sự thay đổi nhiệt độ không khí.**

- Độ nóng lạnh của không khí gọi là nhiệt độ không khí.

- Các nhân tố ảnh hưởng đến sự thay đổi của nhiệt độ không khí:

 +Vĩ độ địa lý: Không khí ở các vùng vĩ độ thấp nóng hơn không khí ở các vùng vĩ độ cao.

+ Độ cao: Trong tầng đối lưu, càng lên cao nhiệt độ không khí càng giảm.

+ Vị trí gần hay xa biển: Nhiệt độ không khí ở những miền nằm gần biển và những miền nằm sâu trong lục địa có sự khác nhau.

**NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN: GDCD KHỐI 6**

**(Từ 27/4-1/5/2020)**

**BÀI 16: QUYỀN ĐƯỢC PHÁP LUẬT BẢO HỘ VỀ TÍNH MẠNG,
THÂN THỂ, SỨC KHỎE, DANH DỰ VÀ NHÂN PHẨM**

**I. Truyện đọc: Một bài học**

- Khuyến khích học sinh tự đọc.

**II. Nội dung bài học**

1. Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, thân thể, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm là quyền cơ bản và quan trọng nhất của công dân.
2. **. Pháp luật quy định:**

- Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể.

- Công dân được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.

-> Mọi vi phạm đều bị pháp luật trừng trị nghiêm khắc.

**3. Trách nhiệm công dân:**

- Biết bảo vệ quyền của mình.

- Biết tôn trọng quyền của người khác.

- Phê phán, tố cáo việc làm trái

- với quy định của pháp luật.

**\* DẶN DÒ:**

**-** Học nội dung bài học.

 - Làm bài tập b, c, d/skg.

 - Chuẩn bị bài 17.

**NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN: LỊCH SỬ 6
Từ 27/4/2020 – 02/5/2020**

**BÀI 25: ÔN TẬP CHƯƠNG III**

**1. Ách thống trị của các triều đại phong kiến Trung Quốc đối với nhân dân ta.**

1. Vì đây là thời kì nước ta bị các triều đại phong kiến phương Bắc (Trung Quốc) thay nhau đô hộ nước ta.
2. Sgk
3. Những chính sách:
* Về chính trị:
	+ Thiết lập bộ máy cai trị do người Hán nắm giữ đến tận các huyện.
	+ Dùng mọi thủ đoạn: lực lượng quân sự, mua chuộc, chia rẽ…
* Về kinh tế:
	+ Đặt nặng nhiều thứ thuế
	+ Cống nạp sản vật quý, lao dịch nặng nề.
* Về văn hóa:
	+ Du nhập những phong tục, luật lệ của người Hán vào nước ta
	+ Mở trường dạy chữ Hán
	+ Đưa người Hán sang ở lẫn với dân ta
* Chính sách thâm độc nhất:
	+ Là chính sách đồng hóa, vì muốn biến nước ta thành một phần của lãnh thổ Trung Quốc, dân ta thành dân Trung Quốc.

**2. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta trong thời Bắc thuộc**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên khởi nghĩa** | **Năm** | **Người lãnh đạo** | **Ý nghĩa** |
| Khởi nghĩa Hai Bà Trưng | 40 | Trưng Trắc, Trưng Nhị | Thể hiện tinh thần bất khuất, ý chí, quyết tâm giành, giữ độc lập, chủ quyền của đất nước. |
| Khởi nghĩa Bà Triệu | 248 | Triệu Thị Trinh |
| Khởi nghĩa Lý Bí | 542 | Lý Bí |
| Khởi nghĩa Mai Thúc Loan | 722 | Mai Thúc Loan |
| Khởi nghĩa Phùng Hưng | 776 | Phùng Hưng, Phùng Hải |

**3. Sự chuyển biến về kinh tế và văn hóa xã hội**

* Sự chuyển biến về kinh tế:
	+ Nông nghiệp: Trồng lúa, làm thủy lợi, chăn nuôi, đánh bắt.
	+ Thủ công nghiệp: Nghề gốm và nghề dệt
	+ Thương nghiệp: Giao lưu buôn bán trong và ngoài nước
* Sự chuyển biến về văn hóa:
	+ Chữ Hán, chữ Nho, Đạo Phật truyền bá vào nước ta
	+ Nhân dân ta sử dụng tiếng nói của tổ tiên và sống theo nếp riêng với những phong tục cổ truyền của dân tộc.

 ***Sau hơn một nghìn năm bị đô hộ, tổ tiên chúng ta vẫn giữ được những phong tục, tập quán:***

Sau hơn 1000 năm bị đô hộ, tổ tiên chúng ta vẫn giữ được nhưng phong tục, tập quán:

* Tiếng nói
* Nếp sống và phong tục đặc trưng: Xăm hình, ăn trầu, làm bánh giày, bánh chưng…
* Điều này chứng tỏ sức sống mãnh liệt của tiếng nói, phong tục, nếp sống của dân tộc ta không có gì có thể tiêu diệt được.

**DẶN DÒ: HỌC ĐỀ CƯƠNG CÂU 1, 3, 5**

**KHỐI 6 Tiết 91**

**Tiết 91: CÔ TÔ**

 **Nguyễn Tuân**

**I. Đọc – Hiểu chú thích**

**1. Tác giả:** SGK

**2. Tác phẩm**

a) Xuất xứ: SGK

c) Bố cục : 3 phần

d) Giải nghĩa từ: SGK

**II. Đọc – Hiểu văn bản**

**1. Bức tranh toàn đảo Cô Tô**

- Bầu trời trong sáng…

- Cây trên núi đảo thêm xanh mượt

- Nước bể thêm đậm đà

- Cát lại vàng giòn

- Lưới càng thêm nặng mẻ

*🡪 Tính từ gợi tả, khung cảnh bao la và vẻ đẹp tươi sáng của đảo Cô Tô.*

**2. Cảnh mặt trời mọc trên biển Cô Tô**

- Mặt trời nhú dần lên … tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng.

 *🡪 So sánh, từ gợi hình, bức tranh trên biển thật đẹp, rực rỡ, tráng lệ, đầy chất thơ.*

**3. Cảnh sinh hoạt và lao động của con người trên đảo Cô Tô**

- Cảnh sinh hoạt: bên cái giếng nước ngọt đông vui

- Cảnh lao động vừa khẩn trương, tấp nập vừa thanh bình , hạnh phúc.

*🡪 Cuộc sống ấm êm, hạnh phúc trong sự giản dị, thanh bình*

**III. Tổng kết**

*\*. Ghi nhớ: Sgk/91*

…………………………………………………

***Tiết 93***

**CÂY TRE VIỆT NAM**

**I. Đọc – Hiểu chú thích**

**1. Tác giả**

**2. Tác phẩm**

a) Xuất xứ

c) Bố cục

d) Giải nghĩa từ

**II. Đọc – Hiểu văn bản**

**1. Giới thiệu về cây tre Việt Nam**

- Ở đâu tre cũng xanh tốt

- Dáng tre vươn mộc mạc và thanh cao

- Mầm non măng mọc thẳng…

- Màu tre tươi nhũn nhặn

- Tre cứng cáp mà lại dẻo dai, vững chắc

- Tre thanh cao, chí khí như ngườ*i*

***🡪 Điệp ngữ, nhân hóa***

***🡪 Vẻ đẹp giản dị, thẳng thắn, bất khuất, có sức sống mãnh liệt***

**2. Tre gắn bó với con người Việt Nam**

**a) Trong đời sống**

- Lao động: Người bạn cảm thông, sẻ chia , đỡ đần

- Văn hóa, tinh thần: Niềm vui của mọi lứa tuổi

**b) Trong chiến đấu**

- Tre là đồng chí

- Tre chiến đấu

- Tre xung phong

- Tre giữ làng, giữ nước,…

***🡪 Nhân hóa, điệp ngữ***

***🡪 Tre dũng cảm, kiên cường***

**3. Tre trường tồn với dân tộc Việt Nam**

- Tre là phương tiện để bộc lộ cảm xúc

- Người bạn đồng hành chung thủy

- Biểu tượng cho sự tiếp nối của các thế hệ

***🡪 Tre tượng trưng cao quí của dân tộc Việt Nam***

**III. Tổng kết** :

***\*. Ghi nhớ : Sgk/100***

**Dặn dò**

- Chuẩn bị: Nhân hóa

…………………… Hết …………………

**NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN: SINH HỌC KHỐI 6
(Từ 27/4/2020-2/5/2020)**

**Bài 39: QUYẾT - CÂY DƯƠNG XỈ**

**1. Quan sát cây dương xỉ**

**a. Cơ quan sinh dưỡng**

- Cơ quan sinh dưỡng gồm:

- Lá

 có cuống dài, lá non cuộn tròn.

- Thân hình trụ.

- Rễ thật.

- Có mạch dẫn.

**b. Túi bào tử và sự phát triển của dương xỉ**

Dương xỉ sinh sản bằng bào tử.

**2. Một vài loài dương xỉ thường gặp (GT)**

**3. Quyết cổ đại và sự hình thành than đá (GT)**

**BÀI TẬP**

**Câu 1:** Đặc điểm nào dưới đây có ở dương xỉ mà không có ở rêu?

A. Sinh sản bằng bào tử

B. Thân có mạch dẫn

C. Có lá thật sự

D. Chưa có rễ chính thức

**Câu 2:** Dương xỉ sinh sản như thế nào?

A. Sinh sản bằng cách nảy chồi

B. Sinh sản bằng củ

C. Sinh sản bằng bào tử

D. Sinh sản bằng hạt

**Câu 3:** Khi nói về các đại diện của nhóm Quyết, nhận định nào dưới đây là sai ?

A. Có rễ thật

B. Chỉ sống ở cạn

C. Thân có mạch dẫn

D. Sinh sản bằng bào tử

**NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN: TIẾNG ANH KHỐI 6
(Từ 27/4-2/5/2020)**

**I. Học sinh học thuộc từ vựng**

Adverbs of frequency (Trạng từ chỉ sự năng diễn)

Always (luôn luôn), usually (thường thường), often (thường), sometimes, occasionally (thỉnh thoảng), seldom = rarely hardly ever (hiếm khi), never (không bao giờ)

**II. Vị trí của trạng từ chỉ sự năng diễn**

– Đứng trước động từ tobe

Ex: He is **always** modest about his achievements. (Anh ta luôn khiêm tốn về những thành tựu của mình).

– Đứng trước động từ thường:

Ex: I **often** help him with his the housework. (Tôi thường giúp anh ấy làm công việc nhà)

**III. Bài tập áp dụng**

**A. Rewrite the complete sentence using the adverb of frequency in brackets in its correct position. (Viết lại câu dung trạng từ chỉ sự năng diễn)**

1. They go to the movies. (often)

………………………………………………………….

2. She listens to classical music. (rarely)

………………………………………………………….

3. He reads the newspaper. (sometimes)

………………………………………………………….

4. Sara smiles. (never)

………………………………………………………….

5. She complains about her husband. (always)

………………………………………………………….

6. I drink coffee. (sometimes)

………………………………………………………….

7. Frank is ill. (often)

………………………………………………………….

8. He feels terrible (usually)

………………………………………………………….

9. I go jogging in the morning. (always)

………………………………………………………….

10. She helps her daughter with her homework. (never)

………………………………………………………….

11. We watch television in the evening. (always)

………………………………………………………….

12. I smoke. (never)

………………………………………………………….

13. I eat meat. (seldom)

………………………………………………………….

14. I eat vegetables and fruits. (always)

………………………………………………………….

15. He listens to the radio. (often)

………………………………………………………….

16. They read a book. (sometimes)

………………………………………………………….

17. Pete gets angry. (never)

………………………………………………………….

18. Tom is very friendly. (usually)

………………………………………………………….

19. I take sugar in my coffee. (sometimes)

………………………………………………………….

20. Ramon and Frank are hungry. (often)

………………………………………………………….

21. My grandmother goes for a walk in the evening. (always)

…………………………………………………………

22. Walter helps his father in the kitchen. (usually)

 …………………………………………………………………………..

23. They watch TV in the afternoon. (never)

………………………………………………………………..

24. Christine smokes. (never)

………………………………………………………….

**KEY**

1. They often go to the movies.

2. She rarely listens to classical music.

3. He sometimes reads the newspaper. sometimes

4. Sara never smiles.

5. She always complains about her husband.

6. I sometimes drink coffee.

7. Frank is often ill.

8. He usually feels terrible

9. I always go jogging in the morning.

10. She never helps her daughter with her homework.

11. We always watch television in the evening.

12. I never smoke.

13. I seldom eat meat.

14. I always eat vegetables and fruits.

15. He often listens to the radio.

16. They sometimes read a book.

17. Pete never gets angry.

18. Tom is uasually very friendly.

19. I sometimes take sugar in my coffee.

20. Ramon and Frank are often hungry.

21. My grandmother always goes for a walk in the evening.

22. Walter usually helps his father in the kitchen.

23. They never watch TV in the afternoon.

24. Christine never smokes.

**B. Đặt câu hỏi với từ gạch dưới**

1. The man drinks milk every day.

……………………………………………………………………………………

2. They are never late for class.

……………………………………………………………………………………

3. Lan goes to the market once a week.

……………………………………………………………………………………

4. The beautiful woman wears uniform.

……………………………………………………………………………………

5. She stays at home because she is sick.

……………………………………………………………………………………

6. My brother goes to school at 6 every day.

……………………………………………………………………………………

7. They walk to work every day.

……………………………………………………………………………………

8. I am going to buy 12 eggs.

……………………………………………………………………………………

9. The tree must be 10 years old.

……………………………………………………………………………………

10. He often learns English

…………………………………………………………………………................

11. They live there with their grandparents.

…………………………………………………………………………………....

12. The weather is hot in the summer.

……………………………………………………………………………………

**KEY**

1. How often does the man drink mlik?

2. How often are they late for class?

3. How often does Lan go to the market?

4. Who wears uniform?

5. Why does ahe stay at home?

6. What time does your brother go to school every day?

7. How do they go to work every day?

8. How many eggs are you going to buy?

9. How old must the tree be?

10. How often does he learn English?

11. Who do they live there with?

12. What’s the weather like in the summer?

**NỘI DUNG MÔN TIN HỌC 6 – TỪ NGÀY 27/4 -02/5/2020**

* Tiếp tục ôn phần lý thuyết chủ đề 14, 15
* Bài tập ôn luyện

**Chọn đáp án đúng nhất của các câu sau:**

**Câu 1:** Microsoft Word là:

a. Phần mền soạn thảo văn bản b. Chương trình trò chơi

c. Phần mền luyện gõ bàn phím d. Tất cả đều sai

**Câu 2:** Để tạo văn bản mới em chọn lệnh

a. File→ new b. File→ save

c. File→save d. File→ open

**Câu 3:** Để di chuyển con trỏ soạn thảo tới vị trí cần thiết em chỉ cần

a. Ấn phím Enter b. Nháy chuột tại vị trí đó

c. Cả a, b đều đúng d. Cả a, b đều sai

**Câu 4:** Khi soạn thảo văn bản con trỏ soạn thảo sẽ tự động di chuyển từ

a. Trái sang phải b. Phải sang trái

c. Từ dưới lên trên d. Tất cả đều sai

**Câu 5:** Dấu cách được tạo bằng cách ấn 1 lần phím

a. Enter b. Spacebar

c. Tab d. Delete

**Câu 6:** Ấn phím Enter 1 lần duy nhất để

a. Kết thúc một đoạn văn bản b. Xóa văn bản

c. Cả a, b đều đúng d. Cả a, b đều sai

**Câu 7: .** Để mở trang văn bản mới em sử dụng nút lệnh nào?

 a.  b.  c.  d. 

**Câu 8**. Định dạng kiểu chữ đậm chọn nút lệnh nào?

|  |  |
| --- | --- |
| a.  | b.  |
| c.  | d.  và   |

**Câu 9.**Nếu phím **Caps Lock** không được bật, em *nhấn và giữ* phím nào để gõ được một chữ hoa

 a. **Enter** b. **Backspace c. Tab d. Shift**

**Câu 10.** Để khôi phục lại trạng thái trước đó của văn bản em sử dụng nút lệnh:

 a. , b. , c. , d. 

**Câu 11.** Khi gõ nội dung văn bản nếu muốn xuống dòng em phải nhấn phím:

|  |  |
| --- | --- |
| a. **Enter** b. **End** | c. **Insert** d. **Home**  |

**Câu 12.** Chữ đậm, chữ nghiêng, chữ gạch chân được gọi là:

a. Phông chữ b. Kiểu chữ c. Cỡ chữ d. Cả a, b, c

**Câu 13.** Định dạng ký tự có thể thay đổi để các chữ:

a. Dễ đọc b. Đẹp hơn c. Dễ ghi nhớ nội dung d. Cả a,b,c

**Câu 14**. Định dạng phông chữ chọn nút lệnh nào?

|  |  |
| --- | --- |
| a.  | b.  |
| c.  | d. Tất cả đều sai |

**Câu 15.** Để định dạng chữ in đậm cho nội dung văn bản ta dùng tổ hợp phím?

**A**. Ctrl + A **B**. Ctrl + B **C**. Ctrl + C **D**. Ctrl + D